TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 14 – PHÚ THỌ** Số: 01/2026/QĐST-VDS	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** *Phú Thọ, ngày 24 tháng 4 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
Về việc yêu cầu huỷ việc kết hôn trái pháp luật

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 14 – PHÚ THỌ

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên họp: ông Xa Văn Đặng

Thư ký phiên họp: ông Bùi Ngọc Tùng Trúc – Thẩm tra viên Toà án nhân dân khu vực 14 – Phú Thọ.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 14 – Phú Thọ tham gia phiên họp*:** bà Trần Thị Thuỳ Dương – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 4 năm 2026 tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 14 – Phú Thọ mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự sơ thẩm thụ lý số: 01/2026/TLST – HNGĐ ngày 02 tháng 3 năm 2026 về việc "Yêu cầu huỷ việc kết hôn trái pháp luật" theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số: 01/2026/QĐST-HNGĐ ngày 15/4/2026, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự*: chị Xa Thị Đ, sinh ngày dd/mm/yyyy; Địa chỉ: xóm M, xã TP, tỉnh Phú Thọ. Có mặt.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

1. Anh Vì Văn H, sinh ngày 09/12/1993. Địa chỉ: xóm NMi, xã ĐN, tỉnh Phú Thọ. Có mặt.

2. Uỷ ban nhân dân xã T P, tỉnh Phú Thọ. Địa chỉ: xóm P, xã T P, tỉnh Phú Thọ. Đại diện theo pháp luật: ông Phạm Đức A – Chức vụ: Chủ tịch Uỷ ban nhân dân xã TP. Có mặt.

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ

Theo đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự và các lời khai trong qua trình giải quyết việc dân sự của người yêu cầu, chị Xa Thị Đ trình bày:

Chị Xa Thị Đ và anh Vì Văn H kết hôn với nhau trên tinh thần tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Đ C, huyện Đ B, tỉnh Hoà Bình. Nay là Uỷ ban nhân dân xã T P, tỉnh Phú Thọ vào ngày 05 tháng 10 năm 2012, sau khi kết hôn sống hoà thuận.

Đến tháng 12/2020, thì hai vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, dẫn đến hai vợ chồng ly thân nhau từ năm 2021 cho đến nay, không còn có sự quan tâm đến nhau nữa.

Anh Vì Văn H có ngày sinh là 09/12/1993, thể hiện trong căn cước công dân, còn đăng ký kết hôn anh H có ngày sinh là 04/10/1992, để xảy ra sai sót này là do anh H khi đi đăng ký kết hôn có khai tăng tuổi lên để đủ tuổi đăng ký kết hôn. Do ngày sinh trong căn cước công dân của anh H và ngày sinh anh H trong giấy chứng nhận kết hôn lại khác nhau, nên không đề nghị Toà án giải quyết ly hôn được. Do vậy, chị Xa Thị Đ đề nghị Toà án huỷ kết hôn trái pháp luật giữa chị Đ và anh H, đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Đ C, huyện Đ B, tỉnh Hoà Bình (nay là xã T P, tỉnh Phú Thọ), theo giấy chứng nhận kết hôn số: 19/2012, quyển số 01/2007, đăng ký ngày 05/10/2012.

Tại các bản tự khai, biên bản lấy lời khai và ý kiến của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan tại phiên họp, anh Vì Văn H có khai là: Năm 2012, anh H có hộ khẩu tại xã M T, huyện Đ B, tỉnh Hoà Bình (nay là xã Đ N, tỉnh Phú Thọ), anh H và chị Đ đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ C vào ngày 05/10/2012, khi đó anh H chưa đủ tuổi để kết hôn, anh H đã khai tăng tuổi lên mục đích là để đủ tuổi kết hôn, nên UBND xã M T làm giấy xác nhận tình trạng hôn nhân cho anh H ghi ngày sinh là 04/10/1992, còn ngày sinh thật là ngày 09/12/1993. Do đó, UBND xã Đ C khi đó cũng ghi trong giấy chứng nhận kết hôn ngày sinh anh H là ngày 04/10/1992, anh H cũng cho rằng các giấy tờ có liên quan khác đều ghi ngày sinh là 09/12/1993, duy nhất chỉ có giấy đăng ký kết hôn ghi ngày sinh là 04/10/1992.

Ý kiến của UBND xã T P: Tại công văn phúc đáp số 188[a]/UBND-VP ngày 12/3/2026 cho rằng các thông tin để làm căn cứ đăng ký kết hôn của anh Vì Văn H do UBND xã M T trước đây (nay là xã Đ N), gồm có:

1. Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân do UBND xã M T, huyện Đ B, tỉnh Hoà Bình (nay là xã Đ N, tỉnh Phú Thọ) cấp cho anh Vì Văn H, sinh ngày 04/10/1992, CMND số 113615825.

2. Tờ khai đăng ký kết hôn do ông Vì Văn H khai là sinh ngày 04/10/1992 và bà Xa Thị Đ, sinh ngày 06/11/1993, tự khai và ký tên tại UBND xã Đ C, huyện Đ B, tỉnh Hoà Bình (nay là xã T P, tỉnh Phú Thọ).

Căn cứ vào giấy xác nhận tình trạng hôn nhân, tờ khai đăng ký kết hôn do ông Vì Văn H và bà Xa Thị Đ khai và ký tại thời điểm đăng ký kết hôn ngày 05/10/2012, ông H có tuổi đời 20 tuổi + 1 ngày, đối chiếu với quy định của pháp luật, tại thời điểm ngày 05/10/2012, ông H và bà Đ đảm bảo đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật. Do vậy, UBND xã T P không đồng ý với nội dung thông báo số 01/2026/TB-TA ngày 02/3/2026 của Toà án nhân dân khu vực 14 – Phú Thọ về việc thụ lý vụ việc dân sự.

Tại phiên họp, người đại diện theo Pháp luật của UBND xã T P, tỉnh Phú Thọ sau khi nghe ý kiến của các đương sự và được nghe công bố các tài liệu có trong hồ sơ, đại diện UBND xã đã nhận thấy là việc UBND xã Đ C, huyện Đ B, tỉnh Hoà Bình (nay là UBND xã T P) tổ chức và thực hiện việc kết hôn cho anh

Vì Văn H là trái pháp luật, do anh H khi thực hiện việc kê khai đăng ký kết hôn không trung thực và sự thiếu kiểm tra của cán bộ hộ tịch tại thời điểm đó. Do vậy, UBND xã T P thấy rằng việc Toà án nhân dân khu vực 14 – Phú Thọ huỷ việc kết hôn trái pháp luật là có căn cứ.

Tại biên bản xác minh ngày 15/4/2026, đối với bà Xa Thị M là người trực tiếp làm thủ tục đăng ký kết hôn cho anh H và chị Đ vào ngày 05/10/2012, tại UBND xã Đ C (nay là xã T P), bà M cho biết là khi làm thủ tục đăng ký kết hôn cho anh H và chị Đ, khi đó căn cứ vào tờ khai đăng ký kết hôn và giấy xác nhận tình trạng hôn nhân do UBND xã M T giới thiệu chuyển đến thì ngày, tháng, năm sinh của anh H đều ghi ngày 04/10/1992, căn cứ vào các giấy tờ này thì thời điểm UBND xã Đ C thấy rằng anh H đủ tuổi kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình. Tuy nhiên, khi làm thủ tục đăng ký kết hôn bà M không yêu cầu anh H xuất trình giấy chứng minh nhân dân để xác định danh tính và ngày, tháng, năm sinh của anh H, mà chỉ căn cứ vào các giấy tờ do UBND xã M T cung cấp để làm thủ tục đăng ký kết hôn cho anh H và chị Đ là thiếu sót chủ quan của cá nhân bà M. Còn hiện nay anh H đều khai rằng tờ khai đăng ký kết hôn và giấy xác nhận tình trạng hôn nhân của anh H do UBND xã M T cung cấp, là do anh H khai giảm năm sinh xuống để đủ tuổi kết hôn, còn ngày sinh thật của anh H là ngày 09/12/1993. Việc Toà án huỷ việc kết hôn trái pháp luật giữa anh H và chị Đ, nếu có đủ căn cứ để huỷ việc kết hôn trái pháp luật, bà M hoàn toàn đồng ý.

Về con chung: Chị Đ và anh H có hai con chung là: Vì Hoàng T, sinh ngày dd/mm/yyyy và Vì Thị Ngọc H, sinh ngày dd/mm/yyyy, cả hai con đều có nguyện vọng ở với anh H. Chị Đ đồng ý với nguyện vọng của hai con là ở với anh H. Anh H chưa yêu cầu chị Đ phải có nghĩa vụ dưỡng nuôi con chung.

Về Tài sản chung; Nợ chung: Không có.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp: Về việc tuân theo pháp luật của người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng từ khi thụ lý việc hôn nhân và gia đình đến khi mở phiên họp Thẩm phán, thư ký thực hiện đúng quy định của Bô luật Tố tung dân sự. Về việc giải quyết yêu cầu của chị Xa Thị Đôi, theo các quy định tại khoản 1 Điều 29, khoản 2 Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 48, 363, 365, 366 và 369 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Việc chấp hành của những người tham gia tố tụng thực hiện đúng theo quy định tại các Điều 70, 73 và Điều 362 BLTTDS;

Tuy nhiên, còn một số thiếu sót, đó là: Ghi sai địa danh sau khi sáp nhập; sai tên đương sự được nhận thông báo; biên bản giao nhận văn bản tố tụng chỉ ghi số phút không có giờ làm việc, nH lại có giờ kết thúc; biên bản lấy lời khai đương sự thời gian bắt đầu biên bản với thời gian kết thúc biên bản không đúng trình tự.

Đề nghị Toà án nhân dân khu vực 14 – Phú Thọ căn cứ: khoản 1 Điều 9 năm 2000; điểm a khoản 1 Điều 8, khoản 2 Điều 11 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; căn cứ khoản 1 Điều 29, điểm b khoản 2 Điều 35, điểm g khoản 1 Điều 39, Điều 149, khoản 2, 3 Điều 367, 370, 372 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội;

- Chấp nhận đơn yêu cầu của chị Xa Thị Đ. Huỷ việc kết hôn trái pháp luật giữa anh Vì Văn H và chị Xa Thị Đ theo giấy đăng ký kết hôn số 19/2012, quyển số 01/2007, đăng ký ngày 05/10/2012 của UBND xã Đ C, huyện Đ B, tỉnh Hoà Bình. Nay là UBND xã T P, tỉnh Phú Thọ.

- Đề nghị Toà án nhân dân khu vực 14 – Phú Thọ kiến nghị đối với UBND xã T P, tỉnh Phú Thọ thực hiện việc ghi chú vào sổ hộ tịch về việc huỷ kết hôn trái pháp luật. Đồng thời rút kinh nghiệm trong việc thực hiện đăng ký kết hôn.

- Về lệ phí: Chị Xa Thị Đ phải chịu lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm.

- Quyền kháng cáo: các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự sơ thẩm được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của người yêu cầu, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân khu vực 14 – Phú Thọ nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Người yêu cầu giải quyết việc dân sự sơ thẩm có đơn yêu cầu Tòa án hủy việc kết hôn trái pháp luật, giữa chị Xa Thị Đ và anh Vì Văn H, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ C, huyện Đ B, tỉnh Hòa Bình. Nay là xã T P, tỉnh Phú Thọ, nên theo quy định tại khoản 1 Điều 29, điểm b khoản 2 Điều 35, điểm g khoản 2 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì đây là việc dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 14 – Phú Thọ. Đơn yêu cầu của chị Xa Thị Đ thực hiện đúng quy định tại Điều 362 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét đơn yêu cầu của chị Xa Thị Đ

- Về quan hệ hôn nhân: Xét đơn yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật của người yêu cầu, thấy rằng anh Vì Văn H có đăng ký kết hôn với chị Xa Thị Đ vào ngày 05/10/2012 tại Ủy ban nhân dân xã Đ C, huyện Đ B, tỉnh Hòa Bình (nay là UBND xã T P, tỉnh Phú Thọ), tại giấy chứng nhận kết hôn số 19/2012, quyển số: 01/2007 đăng ký ngày 05/10/2012. Giấy chứng nhận kết hôn ghi xác định họ tên chồng là anh Vì Văn H, sinh ngày 04/10/1992, họ tên vợ là chị Xa Thị Đ, sinh ngày 06/11/1993. Tuy nhiên, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do người yêu cầu cung cấp cho Tòa án như: giấy khai sinh, căn cước công dân và biên bản xác minh do Toà án thu thập, xác định anh Vì Văn H có sinh là ngày 09/12/1993 theo căn cước công dân và giấy khai sinh với anh Vì Văn H, sinh ngày 04/10/1992 ghi trong giấy chứng nhận kết hôn là cùng một người. Anh H cũng khai nhận mục đích là do anh H khai giảm năm sinh xuống để đủ tuổi kết hôn thời điểm năm 2012, mục đích là để cho đủ tuổi kết hôn với chị Đ, nên anh H đã khai không trung thực về ngày tháng, năm sinh. Bên cạnh đó cũng thấy rằng, UBND xã M T khi đó đã thiếu trách nhiệm trong việc thực hiện xác định thông tin anh H là công dân của xã do UBND xã đang quản lý và sự thiếu sót của cán bộ Tư pháp Hộ tịch UBND xã Đ C khi thực hiện việc đăng ký kết hôn cho anh H và chị Đ đã bỏ qua

các thủ tục quan trọng, đó là không yêu cầu anh H và chị Đ xuất trình giấy tờ tùy thân, giấy khai sinh cá nhân anh H, đã dẫn đến việc đăng ký kết hôn trái pháp luật.

Căn cứ vào giấy khai sinh của anh H và căn cước công dân của anh H đều ghi ngày sinh là ngày 09/12/1993, là căn cứ pháp lý quan trọng để chứng minh rằng anh Vì Văn H, tại thời điểm đăng ký kết hôn (ngày 05/10/2012) anh H, sinh ngày 09/12/1993 mới có 18 tuổi 09 tháng 26 ngày, anh H chưa đủ tuổi kết hôn theo điểm a khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000. Đến thời điểm hiện tại anh H đã đủ tuổi kết hôn, nH quá trình chung sống có nhiều mâu thuẫn, hiện tại đã sống ly thân với nhau, đồng thời anh H và chị Đ đều đồng ý huỷ việc kết hôn trái pháp luật theo đơn yêu cầu của chị Xa Thị Đ. Do đó, có đủ căn cứ để chứng minh rằng, UBND xã Đ C, huyện Đ B, tỉnh Hoà Bình (nay là UBND xã T P) đăng ký kết hôn cho anh Vì Văn H với chị Xa Thị Đ là vi phạm điểm a khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000.

Căn cứ Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và điểm b khoản 2 Điều 4 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Toà án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao và Bộ tư pháp, cần chấp nhận yêu cầu của chị Xa Thị Đ về huỷ việc kết hôn trái pháp luật, giữa anh Vì Văn H và chị Xa Thị Đ theo giấy chứng nhận kết hôn số: 19/2012, quyển số 01/2007, đăng ký ngày 05/10/2012 của Uỷ ban nhân dân xã Đ C, huyện Đ B, tỉnh Hoà Bình. Nay là Uỷ ban nhân dân xã T P, tỉnh Phú Thọ.

UBND xã T P là cơ quan kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của UBND xã Đ C trước đây theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 74 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[3] Hậu quả pháp lý của việc huỷ kết hôn trái pháp luật.

- Về quan hệ hôn nhân: Do việc kết hôn giữa anh Vì Văn H và chị Xa Thị Đ là trái pháp luật vi phạm khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000, nên kể từ ngày quyết định này có hiệu lực pháp luật, anh Vì Văn H và chị Xa Thị Đ phải chấm dứt quan hệ như vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 12 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Về con chung: chị Đ và anh H có 02 con chung, thứ nhất: Vì Hoàng T, sinh ngày 06 tháng 02 năm 2012, con thứ hai: Vì Thị Ngọc H, sinh ngày 29 tháng 02 năm 2016, cả hai con đều có nguyện vọng được ở với anh Vì Văn H. Chị Xa Thị Đ đồng ý với nguyện vọng của các con để anh H là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung cho đến khi các con đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi theo quy định của pháp luật. Anh H chưa yêu cầu chị Đ cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thấy, thoả thuận giữa anh Vì Văn H và chị Xa Thị Đ về nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con chung là tự nguyện, không trái đạo đức xã hội, không vi phạm luật cấm. Do vậy, cần công nhận sự thoả thuận giữa chị Đ và anh H về người trực tiếp nuôi nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Không có.

- Về nợ chung: Không có.

[4]. Đối với ý kiến của UBND xã T P, tỉnh Phú Thọ: Tại phiên họp đại

diện Uỷ ban nhân dân xã T P, tỉnh Phú Thọ đã công nhận, xác định là UBND xã Đ C (nay là UBND xã T P, tỉnh Phú Thọ) đăng ký kết hôn cấp cho anh H và chị Đ theo giấy chứng nhận kết hôn số: 19/2012, quyển số 01/2007, đăng ký ngày 05/10/2012 là trái Pháp luật, nguyên nhân do anh H khi làm thủ tục đăng ký kết hôn đã không kê khai trung thực, nhằm mục đích khai tăng tuổi lên để đủ tuổi đăng ký kết hôn với chị Đ và cùng với sự thiếu kiểm tra của cán bộ Tư pháp tại thời điểm đó.

[5] Về kiến nghị: Kiến nghị Uỷ ban nhân dân xã T P, tỉnh Phú Thọ thực hiện việc ghi chú vào sổ hộ tịch về huỷ việc kết hôn trái pháp luật giữa anh Vì Văn H và chị Xa Thị Đ theo quy định của pháp luật. Đồng thời rút kinh nghiệm trong việc thực hiện đăng ký kết hôn.

[6] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 14 – Phú Thọ đã nêu trong bản ý kiến về các nội dụng quan điểm của đại diện Viện kiểm sát và những đề nghị áp dụng pháp luật để chấp nhận đơn yêu cầu của chị Xa Thị Đ là có căn cứ.

Một số lỗi trong việc soạn thảo văn bản được đại diện Viện kiểm sát đã nêu là có căn cứ, Thẩm phán sẽ khắc phục và rút kinh nghiệm.

[7] Về lệ phí: Căn cứ Điều 149 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 11, Điều 37 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội, chị Xa Thị Đ là người yêu cầu huỷ việc kết hôn trái pháp luật, được Toà án chấp nhận. Do đó, chị Xa Thị Đ phải chịu 300.000đ lệ phí việc dân sự sơ theo quy định.

[8] Quyền kháng cáo, kháng nghị: Các đương sự có quyền kháng cáo, Viện kiểm sát cùng cấp, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị Quyết định này theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 29, điểm b khoản 2 Điều 35, điểm g khoản 2 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 74, khoản 1 Điều 149, Điều 361, Điều 362, Điều 366, Điều 367, Điều 370, Điều 371 và Điều 372 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; điểm a khoản 1 Điều 8, Điều 10, Điều 11 và Điều 12 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm b khoản 2 Điều 4 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 11 Điều 37 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVTH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

2. Chấp nhận đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự của chị Xa Thị Đ về yêu cầu "Hủy việc kết hôn trái pháp luật".

Hủy việc kết hôn trái pháp luật, giữa: anh Vì Văn H và chị Xa Thị Đ theo giấy đăng ký kết hôn số:19/2012, quyển số: 01/2007 đăng ký ngày 05/10/2012

của Ủy ban nhân dân xã Đ C, huyện Đ B, tỉnh Hòa Bình. Nay là Uỷ ban nhân dân xã T P, tỉnh Phú Thọ.

3. Hậu quả pháp lý của việc huỷ kết hôn trái pháp luật.

- Anh Vì Văn H và chị Xa Thị Đ phải chấm dứt quan hệ như vợ chồng kể từ khi Quyết định này có hiệu lực pháp luật.

- Về con chung: Giao các con Vì Hoàng T, sinh ngày dd/mm/yyyy và Vì Thị Ngọc H, sinh ngày dd/mm/yyyy cho anh Vì Văn H là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con cho đến khi các con đủ 18 tuổi, có khả năng lao động hoặc đến khi có sự thay đổi theo quy định của pháp luật. Khi có thay đổi anh H và chị Đ có quyền làm đơn yêu cầu thay đổi quyền nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung. Anh Vì Văn H chưa yêu cầu chị Xa Thị Đ cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con và không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Toà án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

- Về tài sản chung: Không có.

- Về công nợ chung: Không có.

4. Kiến nghị UBND xã T P, tỉnh Phú Thọ thực hiện việc ghi chú vào sổ hộ tịch về huỷ việc kết hôn trái pháp luật, giữa anh Vì Văn H và chị Xa Thị Đ theo quy định của pháp luật. Đồng thời rút kinh nghiệm trong việc thực hiện đăng ký kết hôn.

5. Về lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự hôn nhân và gia đình: chị Xa Thị Đ phải chịu 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* lệ phí việc dân sự sơ thẩm. Tiền lệ được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000đ *(ba trăm nghìn đồng)* đã nộp theo biên lai số 0001450 ngày 02 tháng 3 năm 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ.

6. Quyền kháng cáo, kháng nghị: Người yêu cầu; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên họp có quyền kháng cáo trong hạn 10 ngày kể từ ngày Toà án ra Quyết định.

Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị trong thời hạn 10 ngày, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN HỌP

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Phú Thọ:
- VKSND khu vực 14 – Phú Thọ;

- Phòng THADS Khu vực 14 – Phú Thọ;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

Xa Văn Đặng